

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 7 năm 2021

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trường Hận**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Phạm H Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số: 158/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thu H**, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); Trú tại: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn B**, sinh năm 1980 (Có mặt); Trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó có nhiều lý do khác nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: Bùi Văn D, sinh ngày 13/02/2001 (giới tính: Nam), Bùi Văn N, sinh ngày 12/11/2012 (Giới tính: Nam) và Bùi Kiều M, sinh ngày 03/3/2016 (Giới tính: Nữ), hiện các cháu do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do cháu D đã trưởng thành và không có yêu cầu giải quyết, còn cháu N và cháu M

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, không có yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

Bị đơn ông **Bùi Văn B** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà H, nhưng không đồng ý ly hôn, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn tình cảm với bà H, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, để cùng nhau lo cho các con.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà H, trường hợp Tòa án có giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án, còn bị đơn có mặt nhưng không đồng ý ly hôn theo nội dung khởi kiện của bà H.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như sau:

Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thu H được ly hôn với ông Bùi Văn B.

Về con chung: Giao cháu Bùi Văn N, sinh ngày 12/11/2012 (Giới tính: Nam) và cháu Bùi Kiều M, sinh ngày 03/3/2016 (Giới tính: Nữ) cho bà Hồ Thu H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung: Do, bà Hồ Thu H và ông Bùi Văn B không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Hồ Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Do nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Bà H và ông B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà H yêu cầu ly hôn, còn ông B yêu cầu được hàn gắn gia đình và mâu thuẫn giữa ông, bà được Tòa án tổ chức tiến hành hòa giải nhưng không thành. Đồng thời, những lý do mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thì ông B xác định có, nhưng ông B xác định mâu thuẫn không trầm trọng, còn bà H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng và bà đã cố gắng chung sống để hàn gắn nhưng đến nay bà xác định không thể hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn. Còn, ông B mặc dù vẫn còn tình cảm với bà H nhưng trong suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, ông B không thuyết phục được bà H để tiếp tục chung sống vợ chồng và tại phiên tòa ông B cũng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu để giảm bớt mâu thuẫn, khắc phục rạn nứt đã tồn tại, để tiếp tục chung sống.

[5] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

[6] Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông B đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông B là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Bà H và ông B có 03 người con chung: Bùi Văn D, sinh ngày 13/02/2001 (giới tính: Nam), Bùi Văn N, sinh ngày 12/11/2012 (Giới tính: Nam) và Bùi Kiều M, sinh ngày 03/3/2016 (Giới tính: Nữ), hiện cháu D đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, còn cháu N và cháu M thì cả bà H và ông B xác định hiện 02 cháu do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, không còn sinh sống tại địa phương (Bà H sinh sống tại ấp Tân Trung, xã Hoa Thành, thành phố Cà Mau, còn ông B, sinh sống tại ấp Kinh Hảng A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau) nên chưa ghi nhận được ý kiến của cháu N, nhưng cả bà H và ông B đều có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu, đây là yêu cầu chính đáng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì Hội đồng xét xử xét, vì lợi ích của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự ổn định trong cuộc sống, nên cần giao cháu N và cháu M cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[8] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Do, bà H và ông B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Về án phí: Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Hồ Thu H được ly hôn với ông Bùi Văn B.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn N, sinh ngày 12/11/2012 (Giới tính: Nam) và cháu Bùi Kiều M, sinh ngày 03/3/2016 (Giới tính: Nữ) cho bà Hồ Thu H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.
Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
3. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.
4. Về án phí: Buộc bà Hồ Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được đối trừ số tiền 300.000 đồng mà bà H đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004700 ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (bà H đã dự nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.
6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang